

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
(*Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”*)

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1611/SGDDĐT-QLCLGDCN ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật), Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Khoản 3, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí và quản lý kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” quy định: “*Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân lập dự toán chi cho việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”*”. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương” (khoản 3 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC); “*Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn lực ngân sách địa phương*” (khoản 4 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC).

Căn cứ các quy định nêu trên, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “*Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030*” trên địa bàn tỉnh Kon Tum là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết: đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật, thống nhất với các nội dung khác có trong dự thảo Nghị quyết.

Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết:

Vì dự thảo Nghị quyết có viện dẫn áp dụng một số văn bản QPPL có liên quan. Do vậy, cơ quan soạn thảo cần rà soát các đối tượng áp dụng tại các văn bản được viện dẫn, để đảm bảo thống nhất thực hiện.

Đề nghị cơ quan soạn thảo xác định “**Sở Giáo dục và đào tạo**”, “**Phòng giáo dục và đào tạo**” có thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết hay không ?. Vì, theo quy định tại Điều 105 của Luật giáo dục 2019 “**Sở Giáo dục và đào tạo**”, “**Phòng giáo dục và đào tạo**” không phải là cơ quan quản lý Nhà nước về Giáo dục. Mặt khác, về vị trí, cơ quan thẩm định thấy rằng, cũng không thể là hợp lý, nếu coi “**Sở Giáo dục và đào tạo**”, “**Phòng giáo dục và đào tạo**” chỉ là “**cơ quan có liên quan** đến việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án...”.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và cơ bản thống nhất với các văn bản đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

3.1. Theo dự kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII xem xét, thông qua Nghị quyết tại Kỳ họp chuyên đề **tháng 9 năm 2022**. Tuy nhiên, theo Thông báo số 39/TB-TTHĐND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết: “*Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII xem xét, thông qua tại Kỳ họp chuyên đề **tháng 8 năm 2022**. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, xác định lại thời gian trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua. Tương tự, đề nghị

cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại quy định: “*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp chuyên đề thứ 4 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022*” tại đoạn cuối khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết.

3.2. Đề nghị xem xét, loại bỏ căn cứ ban hành thứ 6 (*Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”*). Lý do: Đây không là căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trường hợp cần thiết, biên tập lại là: “**Thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021...**”. Tương tự, đề nghị loại bỏ căn cứ thứ 8 (*Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*) vì không có nội dung liên quan tới dự thảo Nghị quyết.

3.3. Theo dự kiến tại khoản 2 Điều 2 dự thảo, chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp trên địa bàn được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 46/2019/Q-HĐND sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND. Sở Tư pháp nhận thấy, ngoài việc được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 46/2019/Q-HĐND, Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND còn được sửa đổi, bổ sung bởi **Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND** ngày 18 tháng 7 năm 2019. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước vào khoản 2 Điều 2 dự thảo. Tương tự, đề nghị bổ sung Nghị quyết nêu trên vào điểm a khoản 4; điểm e khoản 5 Điều 2 dự thảo.

3.3. Đề nghị xem xét, đưa quy định: “*Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó*” tại khoản 6 Điều 2 về Điều 4 dự thảo và biên tập thành một khoản riêng của Điều 4 (*khoản 3*) cho phù hợp.

3.4. Đề nghị xem xét loại bỏ Điều 3 dự thảo vì không thuộc phạm vi điều chỉnh đã được xác định tại khoản 1 Điều 1. Bên cạnh đó, nguồn kinh phí thực hiện Đề án đã được quy định tại Điều 3 Thông tư số 17/2022/TT-BTC.

3.5. Đối với một số mức chi cụ thể được quy định tại điểm b, c, d, đ và g khoản 5 Điều 2 dự thảo đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại điểm c khoản 6 Điều 5; khoản 4 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC và thực tế của địa phương trong công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, khả năng cân đối của ngân sách để xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng

nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định chi cụ thể được quy định tại điểm b, c, d, đ, g khoản 5 Điều 2 dự thảo*).

3.6. Theo quy định, dự thảo gửi thẩm định là dự thảo 3. Dự thảo được cơ quan soạn thảo gửi thẩm định là dự thảo 2 là không phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*) và Mẫu số 16, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xây dựng và ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn⁽¹⁾. Tuy nhiên, việc gửi hồ sơ thẩm định chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*).

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này⁽²⁾. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*).

⁽¹⁾ Thông báo số 39/TB-TTHĐND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

⁽²⁾ Trong quá trình chỉnh lý, cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp để đảm bảo chất lượng, tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của dự thảo trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trình HĐND tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”.
Kính gửi Sở Giáo dục và Đào tạo theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng